VIETNAM 1:50,000

EDITION 1-AMS
PHÁT HÀNH LẦN THỨ 1-AMS

BA ĐỘNG

SHEET 6328 III
SERIES L7014

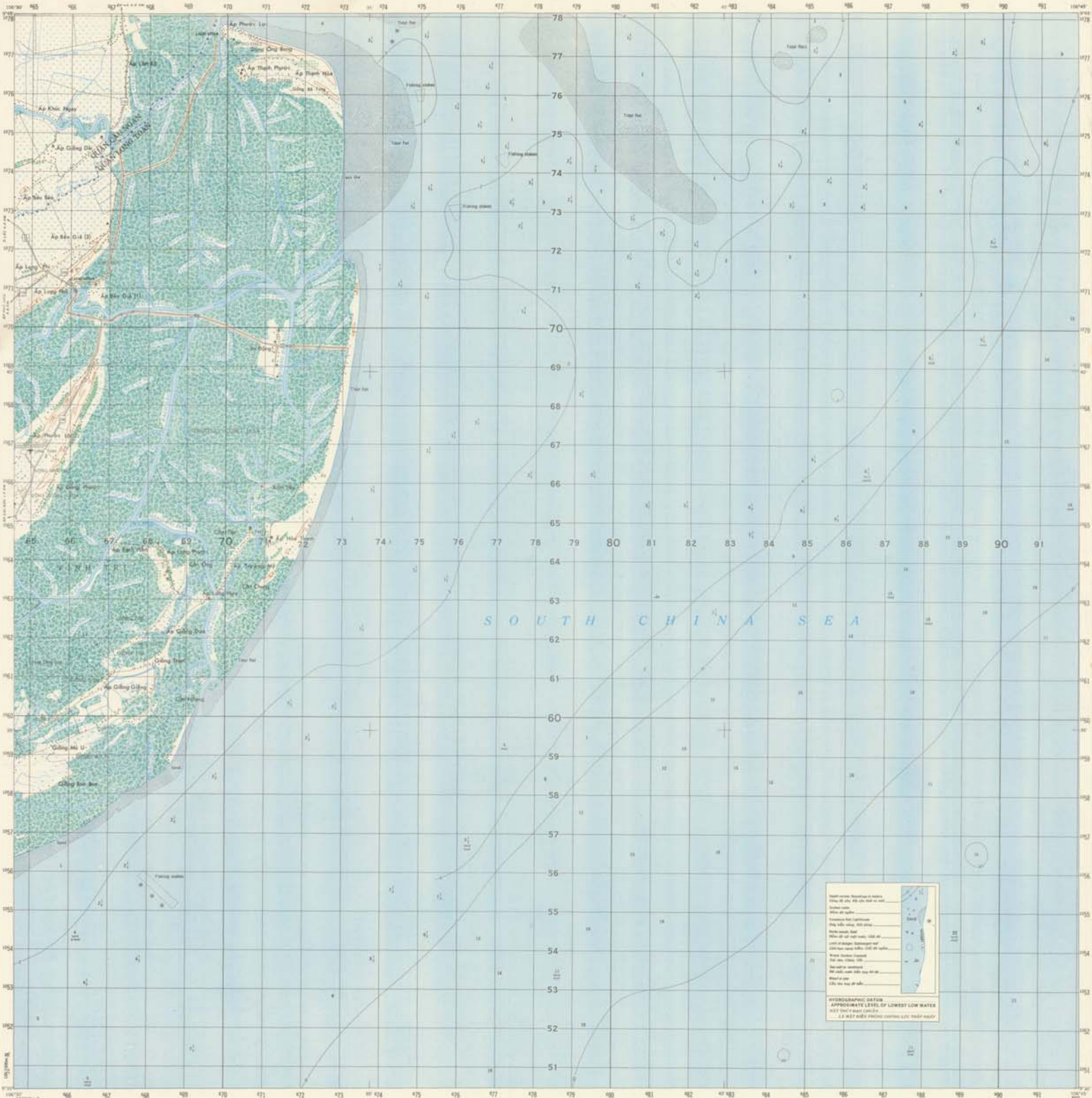

PHÂN CỤC ĐỊA-DƯ ĐẠI LÝ ẤN-HÀNH
PRINTED BY THE NATIONAL GEODAMIC SERVICE VIETNAM
Ấn-hành lần thứ NHẤT
1st Printing 1967

LEGEND—CHÚ TỪ
MAP INFORMATION AS OF 1965
KIỂU ĐỒ TOÁN NĂM 1965

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES
THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES
MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

Scale Tỷ-lệ 1:50,000

CONTOUR INTERVAL—5 METERS

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ 5 MÉT

SPHEROID ..... EVEREST
GRID ..... 1,000-METER UTM, ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION ..... TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM ..... MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM ..... INDIAN DATUM 1960

CREDITS

PREPARED BY ..... ARC (PX), U.S. ARMY 1966
RANGE DATA BY ..... NGS, VIETNAM
CONTROL BY ..... USAMTC, NGS, VIETNAM
COASTAL HYDROGRAPHY FROM ..... BAYOCEANO CHARTS

BẢN ĐỒ NHÀNG SỬA ĐỔI CỦA BẢN ĐỒ NÀY
—BẢN PHÁN, CỤC BA, DAT, DAGOT.
WITH CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON D.C.

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
BẢN GIỚI HẠN CHÁNH TRỊ BẢN ĐỒ NÀY CHỈ PHÂN ĐỊA VỀ TỈNH CỦA BẢN ĐỒ CHÍNH

GLOSSARY — CỔ-TỪ

Ap ..... village
Cha ..... fixed stake
Giồng ..... sandy
Gò ..... marsh, village
Láng ..... clearing, village
Mũi ..... cape
Ngòi ..... stream
Rạch ..... stream
Sông ..... stream
Suối ..... stream
Xóm ..... village

TO CONVERT A MAGNETIC AZIMUTH TO A GRID AZIMUTH ADD G-M ANGLE

TO CONVERT A GRID AZIMUTH TO A MAGNETIC AZIMUTH SUBTRACT G-M ANGLE

GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET
VỚI TỌA ĐỘ VÀ Ở GIỮA TỜ BẢN ĐỒ

MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GÓC Ở VÙNG THÀNH PHƯƠNG-GÓC Ở VÙNG CÔNG THÊM GÓC V-T

MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GÓC Ở VÙNG THÀNH PHƯƠNG-GÓC TỪ TRỪ GÓC V-T

ELEVATION GUIDE
CHỈ DẪN CAO-ĐỘ

BOUNDARIES
RANH GIỚI

ADJOINING SHEETS
BẢNG RÁP BẢN ĐỒ

BA ĐỘNG, VIETNAM